

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 10/02/2025;

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt;

Ông Phạm Văn Tỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 91/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5126/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1992;
Địa chỉ: số B, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị La R, sinh năm 1993;
Địa chỉ: số B, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - anh Phạm Thanh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Thanh V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị La R tự nguyện tìm hiểu, cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới nhau thì chị La R về sống chung tại gia đình của anh. Thời gian đầu cuộc sống rất hạnh phúc. Đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không còn hợp ý nhau, không cùng suy nghĩ, thường hay cãi vã làm không khí gia đình ngột ngạt. Ngoài ra, vào các dịp cuối tuần chị La R dẫn các con về thăm gia đình bên ngoại thì có tham gia đánh bài tứ sắc với những người trong gia đình, có ăn thua bằng tiền. Tuy số tiền ăn thua không lớn, chỉ từ 2.000 đến 5.000đ/ván nhưng lại lo chơi mà không quan tâm, chăm sóc con chu đáo. Anh có khuyên ngăn nhiều lần nhưng chị La R không thay đổi. Từ khi nộp đơn xin ly hôn vào tháng 7/2024 thì anh đã dọn ra nhà trọ gần nhà để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị La R và các con thì sống với mẹ ruột của anh tại nhà. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị La R.

Về con chung: Anh và chị La R có 02 con chung là cháu Phạm Thị Tường V1, sinh ngày 27/7/2017 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 20/8/2019. Anh yêu cầu được nuôi cháu V1, đồng ý để cháu B sống với chị La R. Anh và chị La R hiện nay đang làm chung tại công ty CP thuộc Khu công nghiệp A với mức lương cơ bản bằng nhau là 7.500.000đ/tháng nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho cháu V1 sống với anh thì anh sẽ dẫn cháu V1 ra sống với anh tại nhà trọ, mỗi tháng anh sẽ trích 3.000.000đ từ tiền lương để thuê người chăm sóc và đưa rước cháu V1 đi học. Nếu không thuê được người thì anh sẽ yêu cầu chị La R dẫn cháu B đi nơi khác sinh sống để anh dẫn cháu V1 về nhà cho bà nội chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết (BL 02, 04-06, 20, 24-25, 41-44).

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị La R trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Phạm Thanh V về thời điểm kết hôn và đăng ký kết hôn. Tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn với anh V vì chị còn thương chồng, các con thì còn quá nhỏ nên chị không muốn con sống thiếu cha. Trong quá trình chung sống vợ chồng hoàn toàn không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc anh V dọn ra nhà trọ ở riêng là do anh V có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh V thừa nhận với chị qua tin nhắn điện thoại rằng anh V có người khác và muốn ly hôn để cho người đến sau danh phận rõ ràng. Chị thừa nhận là có tham gia đánh bài tứ sắc

ăn thua bằng tiền mỗi ván vài ngàn đồng với gia đình mỗi khi về thăm nhà vào dịp cuối tuần. Tuy nhiên, do anh V không hài lòng nên sau này chị không còn đánh bài nữa. Lý do xin ly hôn của anh V là không chính đáng nên chị không đồng ý ly hôn, chị muốn anh V suy nghĩ lại để hàn gắn quan hệ vợ chồng, cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là cháu Phạm Thị Tường V1, sinh ngày 27/7/2017 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 20/8/2019. Các con hiện đang ở chung với chị và mẹ ruột của anh V. Do chị và anh V thường xuyên đi làm nên việc chăm sóc, ăn uống và đưa rước đi học phần lớn do mẹ ruột anh V hỗ trợ. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh V được ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi: 01 con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có (BL 21, 25, 41-11).

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 91/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thanh V về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị La R.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2024, nguyên đơn anh Phạm Thanh V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn và tự thỏa thuận việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thuận tình ly hôn và tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh V, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của nguyên đơn

- anh Phạm Thanh V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - anh Phạm Thanh V kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thị La R tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2016 (BL 04) nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh V vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với chị La R nhưng chị La R không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, các con còn quá nhỏ, chị không muốn con sống thiếu cha, mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung. Tòa án sơ thẩm đã xem xét và quyết định không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V nên anh V kháng cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của anh Phạm Thanh V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, anh V và chị La R thuận tình ly hôn, anh V và chị La R thỏa thuận thống nhất chị R được quyền nuôi 02 con, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là cháu Phạm Thị Tường V1, sinh ngày 27/7/2017 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 20/8/2019 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với số tiền cấp dưỡng mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh V và chị La R đều thống nhất là anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh V và chị La R tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh V và chị La R nên sửa bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: anh V không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh V;

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 91/2024/HNGĐ-ST ngày 09/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 28, 39, 147, 212, 213 và 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 115, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thị La R.

Ghi nhận việc anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thị La R không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị La R được trực tiếp nuôi con chung là 02 con chung là cháu Phạm Thị Tường V1, sinh ngày 27/7/2017 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 20/8/2019.

Buộc anh Phạm Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi cháu là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 06 tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu V1, B đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp dưỡng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị La R và anh

V, Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Thanh V và chị Nguyễn Thị La R đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Anh Phạm Thanh V chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000739 ngày 26/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Buộc anh V phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí hôn nhân phúc thẩm: Anh Phạm Thanh V không phải chịu nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003100 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.\

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng